

Vietnam Daily Review

Thị trường giằng co

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 18/3/2022		•	
Tuần 14/3-18/3/2022		•	
Tháng 3/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giằng co trong biên độ 6 điểm suốt cả ngày hôm nay với thanh khoản khiêm tốn, cho thấy nhà đầu tư vẫn còn khá lưỡng lự với việc bắt đáy. Kết phiên, VN-Index chỉ tăng 2 điểm, gần như không thay đổi so với phiên hôm qua. Dòng tiền dường như tiếp tục rời khỏi những cổ phiếu liên quan tới giá hàng hóa như Dầu khí, Thép, Phân bón, Than,... để chạy về với Ngân hàng, Bất động sản. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tích cực với 9/19 ngành tăng điểm. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Trong những phiên tới, VN-Index có thể sẽ quay trở lại ngưỡng 1470-1475.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng điểm nhẹ khi chỉ số VN30 điều chỉnh. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/03/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật (trang 3): HQC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn:

- VN-Index **+2.01** điểm, đóng cửa **1461.34** điểm. HNX-Index **-0.01** điểm, đóng cửa **446.16** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **BID (+2.54)**, **CTG (+0.87)**, **VCB (+0.60)**, **VRE (+0.29)**, **VIC (+0.28)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GAS (-1.50)**, **MSN (-0.73)**, **VNM (-0.47)**, **VPB (-0.39)**, **NVL (-0.8)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **19.697** tỷ đồng, tăng **19.68%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **21.391** tỷ đồng.
- Biên độ dao động **8.60** điểm. Thị trường có **239** mã tăng, **69** mã tham chiếu và **185** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **134.57** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **DPM (79.70 tỷ)**, **CTG (70.58 tỷ)**, **PNJ (51.54 tỷ)**. Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị **-22.48** tỷ đồng.

Trưởng phòng

Trần Thành Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Ví mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoa.bn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn

VN-INDEX **1461.34**
Giá trị: 19696.92 tỷ **2.01 (0.14%)**
Khối ngoại (ròng): 134.57 tỷ

HNX-INDEX **446.16**
Giá trị: 2494.52 tỷ **-0.02 (0%)**
Khối ngoại (ròng): -22.48 tỷ

UPCOM-INDEX **115.94**
Giá trị: 1127.84 tỷ **-0.1 (-0.09%)**
Khối ngoại (ròng): -872.85 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	99.1	4.27%
Giá vàng	1,937	0.49%
Tỷ giá USD/VND	22,870	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,264	0.17%
Tỷ giá JPY/VND	19,264	-0.40%
LS liên NH 1 tháng	2.3%	7.44%
LS TPCP 5 năm	1.7%	0.00%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
DPM	79.7	LPB	-85.7
CTG	70.6	HPG	-45.5
PNJ	51.5	VIC	-38.5
GMD	38.2	VND	-34.1
NLG	35.0	VCI	-27.3

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu hàng hóa	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Khuyến nghị dài hạn	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/03

*Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	95.46	0.44%	-10.00%	2.10%	68.09%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	98.29	0.28%	-10.10%	7.90%	63.08%	GAS, BSR,	PVD, PVT
Xăng	UScent/gallon	298.92	0.06%	-5.30%	2.80%	62.70%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1926.49	-0.04%	-3.50%	3.90%	14.32%		PNJ
Bạc	USD/ounce	25.08	-0.04%	-3.20%	7.30%	4.38%		PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	1659.25	0.61%	-1.60%	5.40%	39.14%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	1062.75	-0.61%	-2.20%	31.90%	68.16%		AFX
Sữa	USD /cwt	23.06	0.79%	-3.50%	-0.80%	33.45%	VNM, GTN	KDC
Cao su*	JPY/kg	204.93	-0.69%	-3.10%	-9.20%		DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	18.56	-0.91%	-2.00%	4.20%	23.00%	SBT, LSS	VNM, GTN
Cà phê	US cent/lb	217.50	3.01%	-5.10%	-13.70%	53.17%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD /ton	10054.00	1.51%	0.50%	1.40%	10.90%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép*	USD/ton	767.83	1.25%	-0.40%	2.60%		HSG, HPG	PC1, CTD
Thép HRC*	USD/ton	793.96	1.10%	-1.00%	3.40%			
Nhôm	USD/ton	3258.50	-0.58%	-2.50%	1.40%	46.29%		CAV, SAM
Quặng sắt*	USD/ton	125.06	2.65%	-0.20%	8.90%		HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	235.85	-14.75%	-41.00%	42.10%	178.78%	HLC, NBC	HT1, BCC

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Giá dầu Brent phiên này dao động trong biên độ 6 USD (97.55 USD đến 103.70 USD) trước khi chốt ở 98.02 USD, giảm 1.89 USD/thùng, tương đương 1.9%. Giá dầu Tây Texas Mỹ (WTI) cũng giảm 1.40 USD, tương đương 1.5%, chốt ở 95.04 USD/thùng.
- Giá dầu giảm phiên thứ 5 trong số 6 phiên gần đây do thị trường kỳ vọng vào tiến triển trong các cuộc đàm phán hòa bình Nga-Ukraine và sự gia tăng ngoài dự kiến về dự trữ dầu Mỹ.

Giá vàng

- Giá vàng giao ngay tăng 0.1% lên 1,920.45 USD/ounce; giá vàng kỳ hạn tháng 4 giảm 1.1% xuống 1,908.40 USD.
- Giá vàng ổn định trong phiên vừa qua do đồng USD yếu đi sau khi Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tăng lãi suất thêm một phần tư điểm phần trăm đúng như thị trường kỳ vọng.

Giá sắt thép

- Hợp đồng quặng sắt được giao dịch nhiều nhất, giao tháng 5, trên Sàn giao dịch Hàng hóa Đại Liên của Trung Quốc đã kết thúc phiên giao dịch ban ngày ở mức tăng 5.2% lên 804 nhân dân tệ (126.65 USD)/tấn sau hai ngày bán tháo.
- Trên Sàn giao dịch Singapore, hợp đồng giao tháng 4 tăng 9.9% lên 151.25 USD/tấn sau sáu phiên giảm liên tiếp.
- Giá quặng sắt kỳ hạn tương lai tại Đại Liên và Singapore cũng phục hồi từ mức thấp nhất hai tuần, sau khi Phó Thủ tướng Trung Quốc Liu He cho biết Bắc Kinh có kế hoạch thực hiện các biện pháp thúc đẩy nền kinh tế trong nước và đảm bảo thị trường vốn ổn định.

Giá cao su

- Hợp đồng cao su giao tháng 8 trên sàn Osaka Exchange hạ nhẹ 0.2 yên, tương đương 0.1%, xuống 244.7 yên (2.07 USD)/kg.
- Hợp đồng cao su giao tháng 5 trên sàn giao dịch kỳ hạn Thượng Hải cùng phiên giảm 135 nhân dân tệ xuống 13,335 nhân dân tệ (2,100.10 USD)/tấn. Trước đó trong phiên giao dịch, có lúc giá chạm mức thấp nhất kể từ ngày 28 tháng 7, là 13,150 nhân dân tệ.

Giá nông sản

- Giá cà phê Arabica giao tháng 5 tăng 6.35 cent, tương đương 3.0%, lên 2.175 USD/lb, cà phê Robusta cũng giao tháng 5 tăng 67 USD, tương đương 3.2% lên 2,148 USD/tấn.

	17/3	% 17/3	16/3	% 16/3	% Tuần	% Tháng
VN INDEX	1461.34	0.14%	1459.33	0.45%	-1.20%	-2.10%
S&P 500			4357.86	2.24%	1.87%	-1.38%
HĐTL S&P500	4340.75	-0.20%	4349.50	2.25%	2.18%	-1.09%
Shang- hai	3215.04	1.40%	3170.71	3.48%	-2.46%	-6.70%
Euro Stoxx	3878.84	-0.28%	3889.69	4.05%	6.23%	-6.39%

Phân tích kỹ thuật

HQC_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Tích cực
- Chỉ báo xu hướng MACD: MACD ở trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: xu hướng tăng

Nhận định: HQC có một phiên tăng điểm tốt khi hình thành mẫu hình nến Marubozu hoàn hảo cùng khối lượng tăng đột biến. Thanh khoản cổ phiếu vượt ngưỡng trung bình 20 phiên. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI cho thấy xu hướng tích cực. Đường giá cổ phiếu đã nằm trên đường MA20 và MA50, MA20 vẫn đang ở dưới MA50 có xu hướng cắt lên. Nhà đầu tư trung hạn có thể mở vị thế tại ngưỡng 8.19, chốt lãi tại ngưỡng 10.19 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng 7.5.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

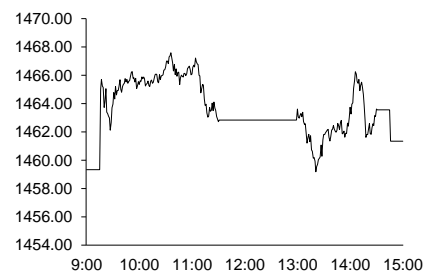
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	1.31%
Công nghệ Thông tin	0.99%
Bán lẻ	0.94%
Ngân hàng	0.88%
Dịch vụ tài chính	0.40%
Bất động sản	0.40%
Bảo hiểm	0.21%
Truyền thông	0.17%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.12%
Y tế	-0.02%
Xây dựng và Vật liệu	-0.06%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	-0.25%
Thực phẩm và đồ uống	-0.33%
Tài nguyên Cơ bản	-0.57%
Du lịch và Giải trí	-0.74%
Hóa chất	-1.12%
Dầu khí	-1.43%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.56%
Viễn thông	-3.11%

Hình 1

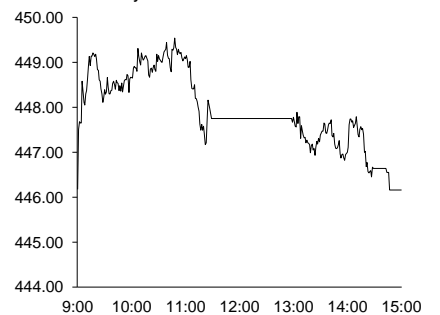
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thông kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
16/3/22	VTP	70	76	66	72.4	1	3.43%	Có thể tiếp tục mua
15/3/22	HBC	28.2	33	26	27.75	2	-1.60%	Có thể giữ nguyên vị thế
14/3/22	FCN	24.5	28.5	22.5	26.3	3	7.35%	Có thể tiếp tục mua
10/3/2022	ITD	16.9	20	15	16.7	7	-1.18%	Có thể tiếp tục mua
3/3/2022	VSC	44.4	50.5	42.5	44.5	14	0.23%	Có thể giữ nguyên vị thế
28/2/22	HSG	38.35	46.9	35.2	36.65	17	-4.43%	Có thể giữ nguyên vị thế
24/2/22	PVB	23.5	28	21.5	23.1	21	-1.70%	Có thể giữ nguyên vị thế
23/2/22	PVT	24.8	31.8	23	25.8	22	4.03%	Có thể giữ nguyên vị thế
18/2/22	G36	19.8	25.2	17	20.2	27	2.02%	Có thể tiếp tục mua
15/2/22	PAC	38.5	41.25	36.5	37.4	30	-2.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
8/2/2022	HPG	45.55	55	42	45.95	37	0.88%	Có thể giữ nguyên vị thế

Chú thích:

(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt

(**) Tiệm cận giá mục tiêu

Thông kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
9/3/2022	HAX	35.95	41.4	33.5	SL	5	-6.82%
5/3/2022	ITC	19.1	22.7	17.5	SL	9	-8.38%
4/3/2022	DPG	69.3	82	63.9	TP	7	18.33%
1/3/2022	GVR	35.7	40.5	34	SL	13	-4.76%
25/2/22	VGT	27	33	25	SL	17	-7.41%
22/2/22	CTD	96.1	110	93	SL	8	-3.23%
21/2/22	HBC	28.9	35	27.1	SL	9	-6.23%
17/2/22	DGC	147	168	141.5	TP	8	14.29%
16/2/22	LCG	20.3	23.2	19.3	SL	9	-4.93%
14/2/22	ASM	16.1	18	15	TP	7	11.80%
10/2/2022	TVS	47.7	55.3	44	SL	32	-7.76%
9/2/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%

Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất

TP - Đã chốt lời
SL - Đã cắt lỗ

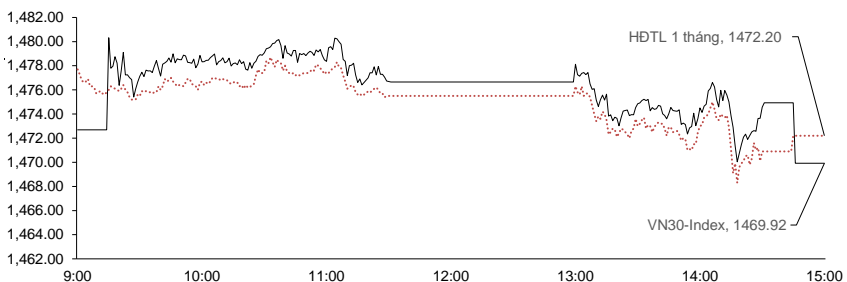
FS - Đóng vị thế sớm

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Nắm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	6	5	2.99%	-2.35%	0.56%	18
Cổ phiếu đã chốt	238	185	7.74%	-7.26%	5.00%	24

Thị trường hợp đồng tương lai

Hình 4

VN30-Index Intraday vs HĐTL 1 tháng Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2203	1472.20	0.03%	2.28	-8.4%	109,620	3/17/2022	0
VN30F2204	1475.00	0.40%	5.08	196.3%	18,728	4/21/2022	35
VN30F2206	1472.00	0.42%	2.08	-55.7%	66	6/16/2022	91
VN30F2209	1472.00	0.34%	2.08	-58.3%	15	9/15/2022	182

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

• VN30 giảm -2.77 điểm xuống 1469.92 điểm. Các cổ phiếu như MSN, VPB, VNM, HPG, VJC đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Tình trạng giao dịch thận trọng vẫn tiếp diễn trong phiên giao dịch hôm nay, VN30 vẫn duy trì vận động biên độ nhẹ quanh ngưỡng 1470 điểm.

• Các HĐTL đều tăng điểm nhẹ khi chỉ số VN30 điều chỉnh. Xét về KLGD, các HĐ đều giảm trừ VN30F2204. Xét về vị thế mở, các HĐ đều giảm trừ VN30F2204. Điểm suy giảm trong khi số lượng hợp đồng mở mới giảm cho thấy xu hướng dòng tiền đang thoát khỏi thị trường. Các nhà đầu tư hãy giao dịch thận trọng trong các phiên tới.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG2114	4/20/2022	34	12:1	151,700	30.57%	2,600	900	5.88%	507	1.78	158,800	130,000	130,800
CVRE2114	5/24/2022	68	1:1	39,100	37.51%	3,160	1,980	4.76%	1,344	1.47	34,610	34,000	32,250
CMBB2109	5/4/2022	48	5:1	32,200	30.31%	1,100	690	4.55%	198	3.49	70,289	32,789	32,250
CKDH2201	10/5/2022	202	8:1	369,900	34.98%	1,500	980	4.26%	260	3.77	80,978	61,618	51,400
CKDH2107	4/27/2022	41	8:1	130,000	34.98%	1,300	1,140	3.64%	857	1.33	48,448	43,888	51,400
CMSN2108	4/27/2022	41	19.9:1	363,300	37.59%	1,600	300	3.45%	49	6.14	162,581	159,999	138,000
CVRE2110	4/27/2022	41	8:1	55,500	37.51%	1,000	650	3.17%	358	1.82	35,439	29,999	32,250
CHDB2201	9/21/2022	188	5:1	217,700	37.30%	1,500	1,000	2.04%	346	2.89	34,749	30,999	27,500
CMBB2107	4/8/2022	22	2:1	680,100	30.31%	2,200	1,630	1.88%	1,016	1.60	42,520	30,000	32,250
CVRE2201	9/20/2022	187	4:1	146,600	37.51%	1,200	1,290	0.78%	725	1.78	39,440	34,000	32,250
CVRE2201	9/20/2022	187	4:1	146,600	37.51%	1,200	1,290	0.78%	725	1.78	39,440	34,000	32,250
CVNM2114	5/24/2022	68	4.91:1	18,100	17.09%	1,780	350	0.00%	2	225.32	99,431	96,000	76,400
CVRE2113	5/4/2022	48	4:1	37,600	37.51%	1,400	600	0.00%	187	3.20	38,919	34,999	32,250
CVIC2107	4/8/2022	22	10:1	126,700	29.28%	1,600	160	0.00%	2	83.61	105,900	93,000	78,400
CVRE2113	5/4/2022	48	4:1	37,600	37.51%	1,400	600	0.00%	187	3.20	38,919	34,999	32,250
CTPB2101	4/6/2022	20	3.7:1	27,100	41.35%	2,500	2,280	-0.44%	1,626	1.40	43,397	33,333	39,600
CSTB2112	5/24/2022	68	1:1	25,200	37.56%	3,800	3,750	-1.32%	3,016	1.24	32,180	31,000	32,800
CTCB2111	4/6/2022	20	4:1	9,200	30.06%	1,990	290	-3.33%	6	48.17	60,510	56,350	49,000
CMSN2111	5/24/2022	68	6.99:1	2,900	37.59%	2,950	1,050	-3.67%	307	3.42	166,017	160,000	138,000
CMSN2201	9/21/2022	188	20:1	303,600	37.59%	2,000	800	-9.09%	272	2.94	183,199	169,999	138,000
Tổng				2,769,000	34.64%**								

Chú thích: Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất

Lãi suất phi rủi ro là 4.75%

**Trung bình độ lệch chuẩn

CR: Tỷ lệ chuyển đổi

Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn

*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes

Nhận định:

• Trong phiên giao dịch ngày 17/03/2022, phần lớn các chứng quyền phân hóa theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

• CACB2102 và CVRE2201 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 393.06% và 42.86%. Giá trị giao dịch giảm nhẹ -8.40%. CVRE2201 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 16.27% thị trường.

• CMWG2104, CVJC2103, CPNJ2201, và CTPB2101 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2114, CVRE2201, CVRE2110, và CPDR2103 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104, và CTPB2101 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

BSC

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	130.8	-0.5%	0.6	4,054	3.9	6,936	18.9	4.6	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	103.0	0.2%	0.7	1,018	3.1	4,526	22.8	3.9	48.5%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	56.2	0.0%	1.3	1,814	0.8	2,501	22.5	2.0	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	49.9	0.6%	0.5	508	0.2	3,543	14.1	1.5	57.9%	10.9%
VIC	Bất động sản	78.4	0.4%	0.6	13,001	8.7	(759)	N/A	3.0	12.7%	-3.1%
VRE	Bất động sản	32.3	1.6%	1.1	3,186	3.5	578	55.7	2.4	30.0%	4.4%
VHM	Bất động sản	74.0	-0.3%	1.1	14,010	9.3	9,048	8.2	2.5	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	41.6	0.0%	1.3	1,086	12.5	1,942		2.8	30.7%	15.5%
SSI	Chứng khoán	43.8	0.0%	1.6	1,891	9.0	2,768	15.8	3.0	38.0%	22.5%
VCI	Chứng khoán	58.9	0.3%	1.0	853	4.0	4,512	13.1	3.0	20.4%	27.1%
HCM	Chứng khoán	35.4	1.1%	1.6	704	2.9	2,805	12.6	2.2	43.4%	19.5%
FPT	Công nghệ	92.0	0.4%	1.0	3,630	4.7	4,792	19.2	4.7	49.0%	25.8%
FOX	Công nghệ	73.0	0.7%	0.4	1,042	0.0	4,304	17.0	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	106.0	-2.9%	1.2	8,821	3.5	4,381	24.2	4.0	2.8%	17.4%
PLX	Dầu khí	55.8	-0.7%	1.5	3,083	3.6	2,337	23.9	2.8	17.0%	12.3%
PVS	Dầu khí	34.0	-2.6%	1.7	707	9.2	1,260	27.0	1.4	8.9%	5.0%
BSR	Dầu khí	25.7	-0.8%	0.8	3,464	5.8	(909)		2.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	109.0	0.3%	0.3	620	0.0	5,720	19.1	3.8	54.2%	20.3%
DPM	Hóa chất	60.5	-4.1%	0.9	1,029	35.7	7,914	7.6	2.3	9.6%	33.5%
DCM	Hóa chất	40.8	-6.8%	0.7	939	24.8	3,313	12.3	2.8	6.9%	25.3%
VCB	Ngân hàng	83.0	0.6%	1.0	17,078	4.4	5,005	16.6	3.5	23.7%	21.4%
BID	Ngân hàng	43.5	4.6%	1.2	9,567	10.8	2,090	20.8	2.6	16.8%	13.2%
CTG	Ngân hàng	32.7	2.2%	1.5	6,833	11.9	2,940	11.1	1.7	25.7%	15.9%
VPB	Ngân hàng	36.5	-1.0%	1.2	7,045	13.2	2,667	13.7	2.1	17.5%	18.0%
MBB	Ngân hàng	32.3	0.5%	1.2	5,298	14.5	3,362	9.6	2.0	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	32.8	0.0%	1.1	3,853	3.8	3,554	9.2	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	59.9	0.2%	0.6	213	0.1	2,618	22.9	2.1	85.2%	9.0%
NTP	Nhựa	60.0	1.4%	0.4	307	0.1	3,951	15.2	2.6	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	30.7	2.3%	1.1	1,467	1.0	39	787.2	2.4	10.1%	0.3%
HPG	Thép	46.0	-0.5%	1.2	8,936	30.0	7,708	6.0	2.3	22.4%	46.1%
HSG	Thép	36.7	-1.9%	1.4	786	16.1	8,581	4.3	1.6	7.1%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	76.4	-1.2%	0.6	6,942	4.5	4,518	16.9	4.8	54.2%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	154.0	0.0%	0.8	4,294	0.3	5,663	27.2	4.7	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	138.0	-1.8%	1.0	7,083	4.7	7,257	19.0	5.0	28.6%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	23.2	0.9%	1.3	635	3.5	1,135	20.4	1.8	7.6%	8.7%
ACV	Vận tải	89.3	-0.3%	0.8	8,452	0.2	577	154.8	5.2	3.8%	3.4%
VJC	Vận tải	145.0	-1.4%	1.1	3,415	6.3	2,271		4.6	16.7%	7.7%
HVN	Vận tải	25.6	-0.4%	1.7	2,465	3.0	(6,523)		23.7	6.1%	-267.4%
GMD	Vận tải	53.0	-0.9%	1.0	694	5.2	1,846	28.7	2.5	42.9%	9.1%
PVT	Vận tải	25.8	2.0%	1.3	363	5.2	2,066	12.5	1.6	10.1%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	107.4	-1.2%	0.7	747	0.6	10,538	10.2	3.5	3.7%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	50.6	2.1%	0.3	986	1.5	2,729	18.5	3.2	3.9%	18.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	24.4	-0.4%	1.0	405	3.3	969	25.2	1.8	1.9%	7.0%
CTD	Xây dựng	87.2	0.5%	1.0	280	1.3	310	280.8	0.8	45.8%	0.3%
CII	Xây dựng	30.6	-0.5%	1.0	322	5.2	(1,434)	N/A	1.5	10.5%	-7.1%
REE	Điện	71.8	0.8%	-1.4	965	0.9	6,002	12.0	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	42.3	-4.1%	-0.4	432	7.5	2,997	14.1	2.1	5.3%	15.9%
POW	Điện	16.3	0.0%	0.6	1,660	5.2	759	21.5	1.3	2.2%	6.1%
NT2	Điện	22.6	-0.2%	0.6	282	0.4	1,778	12.7	1.5	13.7%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	52.9	1.1%	1.2	1,310	10.1	1,593	33.2	2.2	18.0%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	74.0	0%	1.0	3,330	0.5			4.9	2.6%	

BSC

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
BID	43.50	4.57	1.96	5.82MLN
CTG	32.70	2.19	0.86	8.35MLN
VCB	83.00	0.61	0.61	1.22MLN
VRE	32.25	1.57	0.30	2.49MLN
VIC	78.40	0.38	0.29	2.57MLN

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDC	69.40	1.76	0.46	2.19MLN
SHS	41.30	1.47	0.30	2.51MLN
DNP	26.10	9.66	0.28	1.01MLN
THD	171.20	0.29	0.23	392800.00
IPA	53.70	2.09	0.13	384700

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
GAS	0.00	-1.57	744100	1.11MLN
MSN	0.00	-0.76	766800	607060
VNM	0.00	-0.48	1.35MLN	373600
DCM	-0.01	-0.41	13.70MLN	192700
VPB	0.00	-0.41	8.25MLN	611640

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HUT	42.50	-8.60	-1.75	7.59MLN
PVS	34.00	-2.58	-0.37	6.13MLN
LAS	19.80	-7.48	-0.11	2.35MLN
PVC	27.00	-6.90	-0.10	1.72MLN
VCS	107.40	-1.20	-0.07	136528

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
YEG	29.10	6.99	0.02	644200.00
RDP	19.15	6.98	0.02	832900
FDC	33.05	6.96	0.02	89500
RIC	21.55	6.95	0.01	44300
BBC	70.90	6.94	0.02	1000

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
KDM	11.00	10.0	0.01	525913
ONE	12.10	10.0	0.01	134167
VE4	68.20	10.0	0.00	100
VTC	18.70	10.0	0.01	6600
HVT	64.30	9.9	0.03	56700.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTC	58.60	-6.98	-0.02	654500
DCM	40.80	-6.85	-0.41	13.70MLN
BFC	37.00	-6.80	-0.04	1.65MLN
SJD	19.60	-6.67	-0.03	172500
COM	51.50	-6.36	-0.01	800

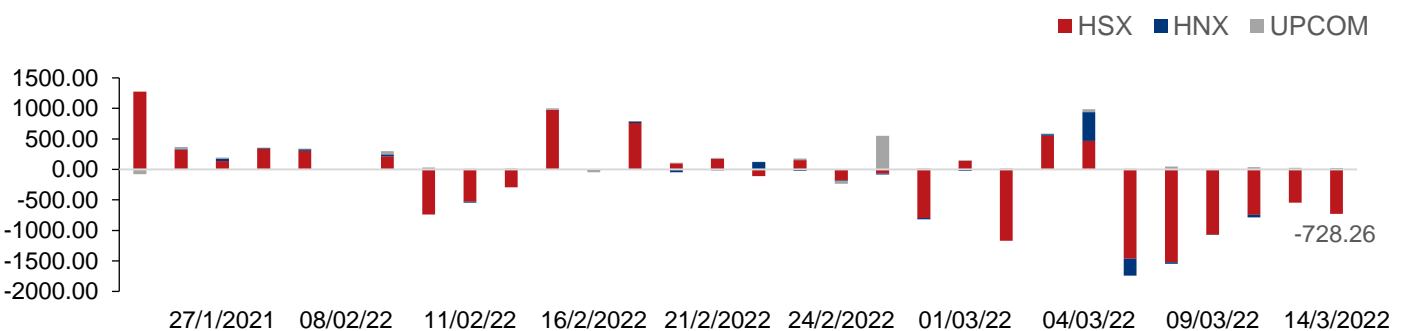
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
PTD	13.50	-10.00	0.00	600
VE3	11.00	-9.84	0.00	22100
L40	33.50	-9.70	0.00	500
NAP	12.10	-9.70	-0.01	12600
BXH	12.20	-9.63	0.00	306

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	40.2	1,006	39.9	2.2	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	39.8	1,968	20.2	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	25.7	-909	#N/A N/A	2.6	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	68.5	362	189.2	5.9	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	87.2	310	280.8	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	74.4	7,200	10.3	1.8	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	40.8	3,313	12.3	2.8	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	185.6	13,122	14.1	5.2	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	83.2	5,715	14.6	3.9	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	34.0	2,448	13.9	2.3	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	41.6	1,942	21.4	2.8	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	25.5	949	26.9	1.5	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	17.2	1,454	11.8	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	92.0	4,792	19.2	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	106.0	4,381	24.2	4.0	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	106.0	4,381	24.2	4.0	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	33.6	3,134	10.7	2.4	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	46.0	7,708	6.0	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	36.7	8,581	4.3	1.6	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	42.5	157	271.1	3.9	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.2	1,520	12.0	0.8	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.2	1,520	12.0	0.8	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	16.7	689	24.3	1.3	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	51.4	1,833	28.0	3.2	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	50.4	5,898	8.5	1.7	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	80.3	8,820	9.1	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	130.8	6,936	18.9	4.6	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	45.3	10,793	4.2	1.7	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	56.1	3,055	18.4	2.4	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	22.6	1,778	12.7	1.5	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	42.3	2,997	14.1	2.1	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.0	4,526	22.8	3.9	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	103.0	4,526	22.8	3.9	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	16.3	759	21.5	1.3	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	49.9	3,543	14.1	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	34.0	1,260	27.0	1.4	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	35.7	4,085	8.7	3.2	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	40.2	14,346	2.8	1.1	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	74.0	3,013	24.6	5.0	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	27.0	2,375	11.4	3.8	Click
42	VGT	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	25.1	570	44.0	2.0	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	84.8	6,052	14.0	2.7	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	76.4	4,518	16.9	4.8	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	32.3	578	55.7	2.4	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	44.5	3499.1	12.7	1.9	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.8	1,646	17.5	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô Thị trường tháng 2.2022	x		Click
2	Triển vọng ngành dầu khí 2022		x	Click
3	BSC_Vietnam Sector Outlook 2022		x	Click
4	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2022	x		Click
6	BSC_Vietnam Marco Market Outlook 2022	x		Click
7	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
8	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
9	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
10	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
12	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
13	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
14	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
16	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
19	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
20	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
22	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
23	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
24	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
25	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
26	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
27	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
29	Banking Sector Outlook		x	Click
30	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
31	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
32	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
33	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
34	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
35	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
36	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
37	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
38	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
39	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
40	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
41	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
42	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
43	Fishery Outlook 2021		x	Click
44	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639

